

ĐÓI NGHÈO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM - MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA VÀ GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC

Nguyễn Thị Kim Đoàn *

1. Đánh giá tình hình đói nghèo trên địa bàn tỉnh Kon Tum

Kon Tum là một tỉnh nghèo vùng cao biên giới, nằm ở cực Bắc Tây Nguyên, có địa hình chia cắt phức tạp, lắm đèo dốc. Kon Tum có tổng diện tích tự nhiên là 9.661,4 km² (trong đó, đất nông - lâm nghiệp chiếm 80%), với dân số tính đến 31/12/2007 là 394.594 người, trong đó, dân tộc thiểu số (DTTS) chiếm 53,4% dân số toàn tỉnh (có khoảng 30 dân tộc anh em đang sinh sống, kể cả 6 dân tộc tại chỗ là: Xê-đăng, Ba Na, Gia Rai, Giẻ Triêng, Brâu, Rơ-măm). Toàn tỉnh hiện có 9 huyện, thị xã; 96 xã, phường, thị trấn, trong đó có 48 xã được hưởng chính sách và 78 xã thuộc vùng khó khăn.

Từ năm 1993, Đảng bộ tỉnh Kon Tum đã ra Nghị quyết về chương trình xoá đói, giảm nghèo; trong đó, đã chỉ rõ, mục tiêu xoá đói, giảm nghèo là xoá hộ đói, giảm hộ nghèo, thực hiện định canh định cư vững chắc, góp phần đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống nhân dân; ưu tiên cho các xã vùng sâu, vùng xa, vùng kinh tế mới khó khăn, vùng căn cứ cách mạng và vùng đồng bào DTTS. Từ đó đến nay, với sự nỗ lực của Đảng bộ và nhân dân tỉnh Kon Tum, công tác xoá đói giảm nghèo của Tỉnh đã có những chuyển biến đáng kể. Chương trình xoá đói, giảm nghèo đã được triển khai đồng bộ và rộng khắp, góp phần cải thiện đời sống nhân dân, giải quyết xong nạn đói, từng bước giảm đáng kể hộ nghèo.

Mặc dù công tác xoá đói giảm nghèo trên địa bàn tỉnh thời gian qua đã đạt được những kết quả đáng kể, nhưng có thể thấy, Kon Tum vẫn là một tỉnh nghèo, có nguy cơ

tụt hậu ngày càng xa so với các tỉnh, thành trong cả nước. Kết quả xoá đói giảm nghèo vẫn chưa thực sự bền vững và đặt ra nhiều vấn đề cần khắc phục trong thời gian tới.

Một là, tỷ lệ đói nghèo trên địa bàn tỉnh đã giảm nhanh qua các năm nhưng vẫn còn rất cao (24,97% năm 2007), trong khi đó, tỷ lệ đói nghèo cả nước là 14,8% (Bảng 1).

Qua bảng số liệu trên cho thấy, tỷ lệ đói nghèo của tỉnh đã giảm nhanh qua các năm. Nếu như ở năm đầu mới chia tách tỉnh (1991), tỷ lệ nghèo đói (tính theo chuẩn nghèo cũ) chiếm đến 75,3% với 27,5% hộ đói, thì đến cuối năm 2005 tỷ lệ này chỉ còn 8,98%, đặc biệt đến năm 2001 không còn hộ đói. Sở dĩ tỷ lệ hộ nghèo năm 2006 tăng lên là do áp dụng chuẩn nghèo mới giai đoạn 2006-2010 theo quy định của Thủ tướng Chính phủ (tại thời điểm 31/12/2005 tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn cũ là 8,98%, nhưng nếu tính theo chuẩn mới thì số hộ nghèo lên đến 31,38%). Đến cuối năm 2007, toàn tỉnh còn 54 xã nghèo với 22.102 hộ nghèo, chiếm 24,97% dân số toàn tỉnh, trong đó, hộ nghèo DTTS chiếm 89,2%. Trong năm 2007, có trên 300 hộ tái nghèo trong tổng số 1.639 hộ nghèo phát sinh (đối tượng này gọi chung là thoát nghèo không bền vững). Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng tái nghèo là do gặp những rủi ro như thiên tai, dịch bệnh, tai nạn, tách hộ. Những hộ này sau khi được tiếp cận với các nguồn vốn giảm nghèo đã

* Nguyễn Thị Kim Đoàn, Thạc sĩ Quản lý kinh tế, Học viện Chính trị - Hành chính Khu vực III, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

thay đổi phương thức canh tác, chăn nuôi. chuyển từ hình thức thả rông sang hình thức chuồng trại, dần dần hòa nhập cộng

đồng, được tiếp xúc với tiến bộ khoa học kỹ thuật... Đây là nền tảng quan trọng để họ có thể thoát nghèo một cách bền vững sau này.

Bảng 1. Tỷ lệ đói nghèo trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 1991-2007

Năm	Tỷ lệ đói nghèo (%)	Trong đó				Ghi chú
		Hộ đói		Hộ nghèo		
		Số hộ (hộ)	Tỷ lệ (%)	Số hộ (hộ)	Tỷ lệ (%)	
1991-1993	75,30		27,5		47,80	Theo chuẩn nghèo cũ đối với hộ nông thôn: 100.000đ/người/tháng; 150000đ/người/tháng đối với hộ thành thị
9/1996	53,71	8.741	16,54	19.757	37,17	
1997	43,42	5.858	11,00	17.075	32,42	
1998	33,16	3.743	6,43	15.544	26,73	
1999	21,37	3.198	5,00	10.477	16,37	
2000	17,88	2.800	4,30	8.836	13,58	
2001	28,09			18.933	28,09	
2002	22,29			15.670	22,29	
2003	16,46			11.963	16,46	
2004	12,76			9.702	12,76	
2005	8,98			6.917	8,98	
2006	31,38			25.520	31,38	Áp dụng chuẩn mới (2005) (200.000đ/người/tháng đối với hộ nông thôn; 260.000đ/người/tháng đối với hộ thành thị)
2007	24,97			22.102	24,97	

Nguồn: Tổng hợp của tác giả từ các tài liệu tham khảo.

Hai là, tốc độ giảm nghèo trên địa bàn tỉnh không đồng đều, có xu hướng tập trung và phân theo địa bàn cư trú.

Bảng 2. Số lượng hộ nghèo ở các huyện, thị qua 2 năm 2006, 2007

TT	Tên huyện, thị xã	Năm 2006			Năm 2007		
		Tổng số hộ (hộ)	Hộ nghèo (hộ)	Tỷ lệ (%)	Tổng số hộ (hộ)	Hộ nghèo (hộ)	Tỷ lệ (%)
1	Đăk Glei	7085	4124	58,21	81721	3323	40,65
2	Ngọc Hồi	7532	3244	43,07	9196	2386	25,95
3	Đăk Tô	7240	2902	40,08	8054	2080	25,83
4	Đăk Hà	11421	3584	31,35	12458	2579	20,70
5	Sa Thầy	7209	3242	44,97	8844	2451	29,03
6	TX Kon Tum	24762	4261	17,21	28491	2652	9,31
7	Kon Plong	3850	3382	87,84	4163	2712	65,15
8	Kon Rẫy	4299	2216	59,55	4678	1582	33,83
9	Tu Mơ Rông	3647	2080	76,99	4145	2337	56,38
	Tổng cộng	77045	40315	38,63	88514	22102	24,97

Nguồn: Báo cáo kết quả thoát nghèo tỉnh Kon Tum từ 1/1/2006 đến 6/2008, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Kon Tum.

Qua số liệu Bảng 2 cho thấy, tỷ lệ hộ nghèo không đều giữa các huyện, thị trên địa bàn tỉnh. Năm 2007, Thị xã Kon Tum có tỷ lệ nghèo thấp nhất (9,31%), tiếp đến là huyện Đăk Hà 20,7%. Hai huyện có tỷ lệ nghèo cao nhất tỉnh là huyện Kon Plong 65,15% và huyện Tu Mơ Rông 56,38%.

Tốc độ giảm nghèo trên địa bàn tỉnh không đồng đều và có xu hướng chậm lại do

một số chính sách không còn tác động mạnh như chính sách đất đai, giao đất giao rừng, khoán trong nông nghiệp..., trong khi đó, chưa có những chính sách mới phù hợp để tăng năng suất trong nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu lao động, sản xuất phục vụ xuất khẩu... Những huyện, thị có tỷ lệ nghèo thấp là những vùng bình nguyên bằng phẳng, màu mỡ, điều kiện tự nhiên thuận lợi, thích

hợp cho việc phát triển các nhóm cây công nghiệp và cây xuất khẩu điển hình ở Tây Nguyên như huyện Đắk Hà, huyện Đắk Tô; là nơi có kết cấu hạ tầng thuận lợi, như thị xã Kon Tum. Còn những huyện có tỷ lệ nghèo tương đối cao là những huyện ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn; những vùng còn nặng về sản xuất nông nghiệp truyền thống, thậm chí còn chịu ảnh hưởng rất lớn từ nền kinh tế tự cung, tự cấp, phụ thuộc vào tự nhiên; những vùng có kết

cấu hạ tầng kém phát triển, điều kiện sản xuất và giao thông đi lại khó khăn... Tất cả những điều đó đã ảnh hưởng rất lớn đến việc tiếp cận các nguồn vốn từ các chương trình, dự án giảm nghèo của quốc gia và của tỉnh.

Ba là, hộ đói nghèo vùng DTTS vẫn chiếm tỷ lệ cao trong tổng số hộ nghèo đói trên địa bàn tỉnh (gần 90% vào năm 2007) và ngày càng có xu hướng tăng lên (năm 2001 là 81%, đến cuối năm 2007 tăng lên 89,2%).

Bảng 3. Tỷ lệ hộ nghèo vùng dân tộc thiểu số tỉnh Kon Tum qua 2 năm 2006, 2007.

TT	Tên huyện, thị xã	Năm 2006			Năm 2007		
		Tổng số hộ (hộ)	Hộ nghèo (hộ)	Tỷ lệ (%)	Tổng số hộ (hộ)	Hộ nghèo (hộ)	Tỷ lệ (%)
1	Đắk Glei	4124	4083	99,00	3323	3291	99,03
2	Ngọc Hồi	3244	2764	85,20	2386	2138	89,60
3	Đắk Tô	2902	2415	83,21	2080	1766	84,90
4	Đắk Hà	3581	3014	84,16	2579	2028	78,63
5	Sa Thầy	3242	2763	82,44	2451	2033	82,94
6	TX Kon Tum	4261	3188	74,81	2652	1934	72,92
7	Kon Plong	3382	3376	99,82	2712	2712	100,00
8	Kon Rẫy	2226	2017	91,01	1582	1516	95,82
9	Tu Mơ Rông	2808	2805	99,89	2337	2299	98,37
	Tổng cộng	29760	23530	79,06	22102	19717	89,20

Nguồn: Báo cáo kết quả thoát nghèo tỉnh Kon Tum từ 1/1/2006 đến 6/2008, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Kon Tum và tính toán của tác giả.

Bảng 3 cho thấy, tỷ lệ hộ nghèo của đồng bào DTTS trong tỷ lệ nghèo nói chung trên địa bàn tỉnh rất cao (89,2%), trong đó có 4 huyện trên 90% (huyện Đăk Glei 99%, huyện Tu Mơ Rông 98,3%, huyện Kon Rẫy 95,8%, đặc biệt huyện Kon Plong 100% hộ dân đều thuộc diện hộ nghèo). Nhiều huyện có tỷ lệ nghèo đôi tăng lên: huyện Ngọc Hồi tăng 4,2%, huyện Kon Rẫy tăng 7,3%, điều đó chứng tỏ khả năng vươn lên để thoát nghèo của các hộ đồng bào DTTS thấp hơn so với các hộ đồng bào Kinh.

2. Nguyên nhân dẫn đến đói nghèo ở tỉnh Kon Tum.

Có rất nhiều nguyên nhân dẫn đến nghèo đói ở tỉnh Kon Tum. Đứng ở góc độ bản thân các hộ nghèo để đánh giá, có thể rút ra một số nguyên nhân sau:

Một là, trình độ học vấn, nhận thức của người dân thấp, thiếu kinh nghiệm làm ăn. Có thể nói, đây là nguyên nhân cơ bản nhất dẫn đến nghèo đói nói chung, tỉnh Kon Tum nói riêng và cũng là vấn đề khó khắc phục. Kết quả điều tra xã hội học cho thấy, có đến 78% hộ nghèo của tỉnh cho rằng đây là nguyên nhân dẫn đến tình trạng nghèo đói hiện nay đối với họ. Theo thống kê, trong số 29.760 hộ nghèo vào đầu năm 2006 có tới 26.000 chủ hộ chưa học hết cấp 2, trong đó có trên 30% chủ hộ chưa đọc thông, viết thạo hoặc mù chữ, chủ yếu là sản xuất nông nghiệp.

Như vậy, hạn chế về trình độ, nhận thức, kém năng động sáng tạo, lại không được hướng dẫn cách thức làm ăn đang là nguyên nhân chính dẫn đến nghèo đói của nhiều hộ gia đình nông dân, đặc biệt là ở những vùng sâu, vùng xa, vùng DTTS, vùng đặc biệt khó khăn của tỉnh.

Hai là, do thiếu vốn sản xuất. Kết quả điều tra xã hội học cho thấy, có đến 72% hộ nghèo cho rằng, một trong những nguyên nhân dẫn đến nghèo đói đối với họ là do

thiếu vốn. Thực tế thời gian qua cho thấy, nguồn vốn cho vay hộ nghèo đã góp phần quan trọng thực hiện hiệu quả chương trình xóa đói giảm nghèo và phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh. Theo thống kê, trong 5 năm (2003-2007), số hộ thoát nghèo do vay vốn là 13.130 hộ; số hộ tăng thu nhập hàng năm và cải thiện cuộc sống nhờ vay vốn của NHCSXH là 13.320 hộ; số hộ đã tác động đến chuyển biến nhận thức, cách làm ăn là: 16.130 hộ; số lao động được tạo việc làm là 23.114 hộ; giúp hộ nghèo mua được 52.500 con (trâu, bò), 53.000 con lợn, 8.250 ha cây công nghiệp... Trong hai năm (2006-2007), thu nhập bình quân của nhóm hộ nghèo ở khu vực nông thôn tăng lên 0,76 lần, ở khu vực thành thị tăng 0,98 lần, đạt 54,28% so với chỉ tiêu đề ra về tăng thu nhập cho người nghèo.

Tuy nhiên, việc tiếp cận tín dụng của các hộ nghèo còn nhiều hạn chế, nguyên nhân một phần do họ không biết áp dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào thâm canh, tăng vụ nên việc sử dụng vốn không đạt hiệu quả, một số hộ vay về không biết làm gì, thậm chí có nhiều bà con khi được vận động vay vốn họ không vay, một mặt vì có tâm lý không muốn nợ tiền Nhà nước, không muốn thoát nghèo để được hưởng sự hỗ trợ của nhà nước. Mặt khác, còn do thủ tục vay còn quá rườm rà, người dân rất ngại vay vốn từ ngân hàng. Đã tồn tại một nghịch lý, mặc dù vốn tín dụng cho người nghèo vay còn rất nhiều, nhu cầu vay vốn của các hộ rất lớn, nhưng các hộ nghèo vẫn phải đi vay mượn tư nhân, bà con, bạn bè với lãi suất rất cao. Bởi trên thực tế, việc vay vốn của họ thường mang tính đột xuất, phục vụ cho các nhu cầu phi sản xuất, không có phương án sản xuất kinh doanh rõ ràng nên không phù hợp với cơ chế vay của ngân hàng hiện nay.

Ba là, do ốm đau, bệnh tật, thiếu lao động. Đây là tình trạng khá phổ biến ở các

hộ nghèo, tập trung chủ yếu vào những gia đình ít con, tàn tật, chủ hộ là nữ. Theo thống kê, trong tổng số 29.760 hộ nghèo đầu năm 2006 có đến 5.456 hộ có chủ hộ là nữ, chiếm 7,08% số hộ toàn tỉnh; 1.737 hộ có người tàn tật, ốm đau kinh niên. Ngoài ra, đây còn là những hộ già cả, sức khỏe yếu, thiếu lao động nam, năng suất lao động thấp, thêm vào đó là chi phí chữa bệnh lớn nên họ không có điều kiện vươn lên thoát nghèo.

Ngoài ra, còn một số nguyên nhân khác như: điều kiện sản xuất khó khăn, thiếu thông tin thị trường; trong hộ nghèo đông người ăn theo, thiếu tính toán hợp lý chi tiêu trong gia đình; thiếu việc làm, thất nghiệp, thiếu đất sản xuất; lười lao động, rượu chè, tệ nạn xã hội... Những nguyên nhân này chiếm tỷ lệ không nhiều, chỉ khoảng từ 10 đến dưới 30% số hộ nghèo.

3. Một số giải pháp giảm nghèo của tỉnh Kon Tum trong thời gian tới

Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Kon Tum khóa XIII đã xác định: Đẩy nhanh tốc độ giảm nghèo, hạn chế tái nghèo, củng cố thành quả giảm nghèo đạt được thời gian qua, tạo cơ hội cho hộ đã thoát nghèo vươn lên khá giả; cải thiện từng bước điều kiện sống và sản xuất ở các xã nghèo, xã đặc biệt khó khăn, xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào DTTS nhằm hạn chế gia tăng khoảng cách chênh lệch về thu nhập, mức sống giữa thành thị và nông thôn, giữa đồng bào DTTS và người Kinh, giữa nhóm hộ giàu nhất và nhóm hộ nghèo nhất, làm tiền đề để hộ nghèo vươn lên khá, giàu. Cụ thể, đến năm 2010, Tỉnh phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 27,94% vào cuối năm 2007 xuống còn dưới 18%, đặc biệt tập trung vào 89,2% hộ nghèo DTTS; thu nhập của nhóm hộ nghèo tăng 1,4 lần so với năm 2005; các xã đặc biệt khó khăn cơ bản đủ các công trình hạ tầng, phấn đấu đến cuối năm 2010 có 50% xã đặc biệt khó khăn thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó

khăn và có đủ các công trình hạ tầng cơ sở .

Để thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội khoá XIII của tỉnh, đồng thời đẩy nhanh tốc độ giảm nghèo những năm tiếp theo, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp cơ bản sau:

Một là, đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của các cấp, các ngành và người dân về công tác xóa đói giảm nghèo. Để đạt hiệu quả, công tác tuyên truyền giáo dục một mặt phải tập trung hướng vào việc giới thiệu, phổ biến sâu rộng các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về xóa đói, giảm nghèo; các nội dung, mục tiêu của các chương trình giảm nghèo đến tận cơ sở; làm rõ ý nghĩa, sự cần thiết phải đẩy mạnh xóa đói, giảm nghèo, tạo sự chuyển biến cơ bản về nhận thức thoát nghèo của các hộ nghèo, đặc biệt là hộ nghèo DTTS, tạo ý chí tự lực, tự cường, vươn lên XĐGN. Công tác tuyên truyền giáo dục phải làm cho bản thân người nghèo, hộ nghèo, vùng nghèo nhận thức và hiểu rõ được nguyên nhân gây nghèo xuất phát từ các điều kiện kinh tế - xã hội, chứ không phải do số phận như: do thiếu kiến thức, điều kiện, phương tiện làm ăn, do tập quán lạc hậu, do đông con, rủi ro trong sản xuất, đời sống...

Hai là, tiến hành rà soát qui hoạch chi tiết từng huyện, từng xã nhằm định hướng cho địa phương xác định cơ cấu cây trồng - vật nuôi, phát triển sản xuất nông lâm nghiệp, thuỷ sản, tiểu thủ công nghiệp; rà soát, phân loại diện tích rừng hiện có, tập trung giao đất, giao rừng tự nhiên cho hộ đồng bào DTTS chăm sóc, quản lý bảo vệ, kinh doanh và được hưởng lợi từ rừng. Giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất sản xuất trong hộ đồng bào dân tộc thiểu số. Chuyển quỹ đất và rừng tự nhiên nghèo nhưng chưa sử dụng sang trồng cao su, rừng nguyên liệu và dược liệu. Đặc biệt chú trọng đẩy mạnh sản xuất hàng hoá, tập trung phát triển lúa

nước, giảm lúa rẫy; phát triển những cây ăn quả, rau và hoa xứ lạnh ở Măng Đen; tập trung trồng mới diện tích cây cao su; chú trọng phát triển tập đoàn cây dưới tán rừng; phát triển chăn nuôi bò. Phát triển mạnh kinh tế hộ gia đình, kinh tế trang trại tổng hợp vườn - rừng, kết hợp chăn nuôi với trồng trọt, hình thành các cơ sở sản xuất, kinh doanh các mặt hàng tiểu thủ công nghiệp truyền thống... nhằm giải quyết việc làm tại chỗ cho nhân dân.

Ba là, đẩy mạnh xây dựng và phát triển các vùng kinh tế động lực của tỉnh để khai thác hiệu quả các tiềm năng, lợi thế của tỉnh, đồng thời thúc đẩy các khu vực lân cận cùng phát triển, nhanh chóng rút ngắn khoảng cách chênh lệch giữa các vùng. Từ nay đến 2010, tập trung ưu tiên đầu tư, phát triển 3 vùng kinh tế động lực chính: đầu tư phát triển mạnh thị xã Kon Tum gắn với các khu công nghiệp Sao Mai, Hòa Bình và các khu đô thị mới; tập trung phát triển nhanh khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ-Y trở thành trung tâm tăng trưởng và liên kết kinh tế của ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia; xây dựng, phát triển trung tâm huyện lỵ Kon-Plong gắn với khu du lịch sinh thái Măng Đen trở thành trung tâm du lịch, nghỉ dưỡng theo hướng hiện đại, đậm đà bản sắc văn hóa các dân tộc tỉnh Kon Tum. Ngoài ra, cần tranh thủ và khai thác tốt sự đầu tư của Trung ương và các tỉnh bạn để xây dựng kết cấu hạ tầng, giao thông, thủy lợi, thủy điện..., đặc biệt là đầu tư xây dựng đường giao thông cho các xã chưa có đường ô tô đi lại thuận lợi cả hai mùa như xã Đăk Blô, Đăk Nhoong, xã Xốp (huyện Đăk Gleit); xã Đăk Ang (huyện Ngọc Hồi); xã Đăk Pxi (huyện Đăk Hà); Đăk Nên, Đăk Ring, Măng Bút, Đăk Tăng (huyện Kon Plông); Đăk Pnê (huyện Kon Rẫy)... có như vậy mới tạo điều kiện cho người dân nghèo DTTS nhanh chóng thoát nghèo, từng bước cải thiện và nâng cao mọi mặt đời sống kinh tế, xã hội.

Bốn là, tạo điều kiện cho người nghèo phát triển sản xuất, tăng thu nhập thông qua các chính sách như: chính sách ưu đãi tín dụng cho hộ nghèo, chính sách khuyến nông, khuyến lâm, hướng dẫn cách làm ăn, chính sách hỗ trợ đất sản xuất cho hộ nghèo DTTS, chính sách hỗ trợ đào tạo nghề,... Thực hiện lồng ghép nguồn lực các chương trình, dự án, các chính sách phục vụ công tác xóa đói giảm nghèo, đồng thời phải có cơ chế rõ ràng, ưu tiên các vùng nông thôn ở các huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao như huyện Kon Plong, huyện Tu Mơ Rông. Thực hiện tốt giải pháp này cần tập trung vào những vấn đề sau:

- Trong điều kiện nguồn ngân sách của tỉnh còn eo hẹp, cần tranh thủ nguồn vốn đầu tư của các tổ chức trong và ngoài nước để đầu tư cho các chương trình, dự án trọng điểm, ưu tiên cho hạ tầng nông thôn, các xã nghèo, vùng đặc biệt khó khăn. Tạo điều kiện thuận lợi, thủ tục đơn giản để người nghèo trực tiếp được nhận vốn vay (tuyệt đối không thông qua cấp trung gian). Tuy nhiên, cần phải có cơ chế, điều kiện ràng buộc để đảm bảo vốn vay được sử dụng có hiệu quả, chẳng hạn như hộ nghèo khi vay vốn phải có phương án sản xuất kinh doanh cụ thể, trên cơ sở đó Ban Xóa đói giảm nghèo và tổ chức tín dụng sẽ xét cho vay với lượng vốn và thời gian phù hợp.
- Tăng cường giới thiệu những mô hình tốt, những điển hình và kinh nghiệm xóa đói, giảm nghèo trong và ngoài tỉnh. Trên cơ sở các mô hình triển khai có hiệu quả, tiến hành nhân rộng gắn với đào tạo ngắn hạn cho nông dân. Đẩy mạnh công tác chuyển giao công nghệ sản xuất thâm canh; hướng dẫn qui trình, công nghệ sản xuất phù hợp với qui hoạch phát triển nông, lâm nghiệp ở từng vùng, từng địa

phương. Tăng cường các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, giống cây trồng, vật nuôi, tiêu thụ sản phẩm, dạy nghề, tín chấp xuất khẩu lao động.

- Giải quyết đủ đất sản xuất, đất ở cho người dân theo qui định của Nhà nước. Đối với hộ nghèo khi tách hộ thực hiện theo qui hoạch dân dân, tách hộ cần ưu tiên hỗ trợ đất ở, nhà ở, giao đất sản xuất từ quỹ đất nông nghiệp của địa phương; đất thu lại của các nông, lâm trường; đất nhượng lại của bố mẹ, dòng tộc, cộng đồng hoặc đất rừng và khuyến khích học các nghề đang có nhu cầu lao động tại địa phương để nhanh chóng có việc làm, có thu nhập, ổn định cuộc sống.
- Tiếp tục phát huy các chính sách xã hội ưu đãi về y tế, giáo dục, nhà ở, đất ở, nước sinh hoạt, hỗ trợ pháp lý. Thông qua các chính sách này, người nghèo có cơ hội được tiếp cận với các dịch vụ xã hội: được cấp thẻ bảo hiểm y tế; được miễn học phí và các khoản đóng góp xây dựng trường (đối với con em hộ nghèo là DTTS, trẻ em tàn tật); người nghèo, đặc biệt là hộ nghèo DTTS có đủ đất ở, nhà ở, nước sinh để ổn định đời sống, tham gia sản xuất, thoát nghèo bền vững; được trợ giúp pháp lý miễn phí trong các giao dịch dân sự.

Năm là, phân công các cấp, các ngành, các đơn vị trực tiếp tham gia xóa đói giảm nghèo ở những địa bàn đặc biệt khó khăn. Đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện xóa đói giảm nghèo của các cấp, các ngành và việc sử dụng công quỹ xóa đói giảm nghèo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Kon Tum năm 2007 và 6 tháng đầu năm 2008, Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum, 6/2008.
- Báo cáo kết quả chương trình cho vay hộ nghèo 5 năm (2003-2007), Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Kon Tum, 6/2008.
- Báo cáo về việc đẩy mạnh tốc độ và nâng cao chất lượng công tác giảm nghèo chống tái nghèo, Sở Lao động - Thương binh - Xã hội tỉnh Kon Tum, 6/2008.
- Báo cáo kết quả thoát nghèo tỉnh Kon Tum từ 1/1/2006 đến 6/2008, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Kon Tum.
- Báo cáo tình hình hộ nghèo giai đoạn 2001-2005, UBND tỉnh Kon Tum.
- Chương trình Mục tiêu giảm nghèo giai đoạn 2006-2010 trên địa bàn tỉnh Kon Tum, UBND tỉnh Kon Tum, 7/2007.

- 1 Báo cáo kết quả chương trình cho vay hộ nghèo năm (2003-2007) - Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Kon Tum, tháng 6/2008.
- 2 Phụ lục IV - Chương trình Mục tiêu giảm nghèo giai đoạn 2006-2010 trên địa bàn tỉnh Kon Tum, UBND tỉnh Kon Tum, 7/2007.
- 3 Báo cáo Kết quả chương trình cho vay hộ nghèo năm (2003-2007) - NHCSXH tỉnh Kon Tum, 6/2008.
- 4 Phụ lục IV - Chương trình Mục tiêu giảm nghèo giai đoạn 2006-2010 trên địa bàn tỉnh Kon Tum, UBND tỉnh Kon Tum, 7/2007.
- 5 Chương trình Mục tiêu giảm nghèo giai đoạn 2006-2010 trên địa bàn tỉnh Kon Tum, UBND tỉnh Kon Tum, 7/2007